

日本語	英語	簡体字	繁体字	韓国語	ベトナム語
栄養成分表示 (1袋 180g 当たり)	Nutrition facts [per container (180 g)]	营养成分表 (每份 180 克)	營養成分表 (每包 180g)	영양 성분표(1 봉지 180g 당)	Bảng thành phần dinh dưỡng (trong 1 túi 180g)
エネルギー	Calories	能量	熱量	에너지	Năng lượng
180kcal	180	180kcal	180kcal	180kcal	180 kcal
タンパク質	Protein	蛋白質	蛋白質	단백질	Protein
0g	0 g	0g	0g	0g	0 g
脂質	Fat	脂肪	脂肪	지방	Chất béo
0g	0 g	0g	0g	0g	0 g
炭水化物	Carbohydrate	碳水化合物	碳水化合物	탄수화물	Carbohydrate
45.0g	45.0 g	45.0g	45.0g	45.0g	45,0 g
食塩相当量	Sodium	食盐相当量	相當於食鹽之含量	식염 상당량	Hàm lượng muối tương đương
0.15g	0.15 g	0.15g	0.15g	0.15g	0,15 g
原材料名	Ingredients	配料	原料名稱	원재료명	Tên nguyên liệu
マルトデキストリン(国内製 造)、砂糖/香料、酸味料、乳 酸 Ca、ゲル化剤 (増粘多糖 類)、V.C、塩化 K、乳化剤、 バントテン酸 Ca、ナイアシ ン、V.E、V.B1、 V.B2、 V. B6、 V.A、葉酸、V・D、 V・B12	Maltodextrin (domestically manufactured),sugar/flavoring agent, acidulant, calcium lactate, gelling agent (polysaccharide thickener), vitamin C, potassium chloride, emulsifier, calcium pantothenate, niacin, vitamin E, vitamin B1, vitamin B2, vitamin B6, vitamin A, folic acid, vitamin D, and vitamin B12	麦芽糊精 (日本国内製 造)、白砂糖/食用香料、酸 味剂、乳酸钙、凝胶剂 (增 稠多糖)、维生素 C、氯化 钾、乳化剂、泛酸钙、烟酸、 维生素 E、维生素 B1、维 生素 B2、维生素 B6、维生 素 A、叶酸、维生素 D、维 生素 B12	麥芽糊精 (日本國內製 造)、砂糖/香料、酸味劑、 乳酸鈣、膠凝劑 (增稠多醣 類)、維生素 C、氯化鉀、 乳化劑、泛酸鈣、菸鹼酸、 維生素 E、維生素 B1、維 生素 B2、維生素 B6、維生 素 A、葉酸、維生素 D、維 生素 B12	말토덱스트린(일본 국내 제조), 설탕/향료, 산미료, 젓산칼슘, 겔화제(증점다당류), 비타민 C, 염화칼륨, 유화제, 판토텐산칼슘, 나이아신, 비타민 E, 비타민 B1, 비타민 B2, 비타민 B6, 비타민 A, 엽산, 비타민 D, 비타민 B12	Maltodextrin (sản xuất trong nước Nhật), đường/hương liệu, chất điều chỉnh độ chua, calci lactate, chất tạo gel (đường đa tạo đặc), vitamin C, kali clorua, chất nhũ hoá, canxi pantothenate, niacin, vitamin E, vitamin B1, vitamin B2, vitamin B6, vitamin A, axit folic, vitamin D, vitamin B12

原材料に含まれるアレルギー物質（28品目中）	Allergens included in ingredients (out of 28 substances)	过敏原信息（日本规定的28种特定原材料）	原料中含有的过敏原（28项品目中）	원재료에 포함된 알레르기 유발 물질(28 품목 중)	Các chất gây dị ứng có trong nguyên liệu (trong số 28 chất quy định ghi trên nhãn)
使用していません	No allergens are used.	不含过敏原	沒有使用	사용하고 있지 않습니다	Không sử dụng

トロピカルフルーツ味	Tropical fruit flavor	熱帯水果味	熱帶水果口味	열대 과일 맛	Vị trái cây nhiệt đới
無果汁	Does not contain any fruit juice.	无果汁	無果汁	무과즙	Không chứa nước ép trái cây
開封後はすぐにお飲みください。	Once the product is opened, please consume it immediately.	开封后请立即饮用。	開封後請立即飲用	개봉 후 즉시 드십시오.	Vui lòng uống ngay sau khi mở nắp.

## 原材料に含まれるアレルギー物質28品目不使用

### 特定原材料8品目

							
卵	乳	小麦	えび	かに	くるみ	そば	落花生

### 特定原材料に準ずるもの

									
アーモンド	あわび	いか	いくら	オレンジ	カシューナッツ	キウイフルーツ	牛肉	ごま	さけ
									
さば	大豆	鶏肉	バナナ	豚肉	マカダミアナッツ	もも	やまいも	りんご	ゼラチン